

DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 27/2026¹

ÁN LỆ SỐ /2026/AL

Về xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày... tháng... năm 2025 và được công bố theo Quyết định số .../QĐ-CA ngày... tháng... năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 06/2020/HC-GĐT ngày 18/02/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án hành chính “*khieux kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*” giữa người khởi kiện là bà Đoàn Phan Kim Đ với người bị kiện là Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm 01 người.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 8 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với lý do việc cấp giấy là trái pháp luật.

- Giải pháp pháp lý:

Khi giải quyết, Tòa án phải xác định đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời xem xét tính hợp pháp của hành vi hành chính đó; nếu xác định việc cấp giấy là trái pháp luật thì tuyên bố hành vi hành chính là trái pháp luật và buộc cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Điều 3, Điều 30, điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024 và 2025);

- Điểm đ khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2025);

- Các điều 62, 63 và 65 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Điều 34 Thông tư 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp.

Từ khóa của án lệ:

¹ Dự thảo án lệ này do Vụ Giám đốc, kiểm tra về hành chính (Vụ IV), Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

“Hành vi hành chính”; “Đối tượng khởi kiện”; “Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”; “Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ là cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ), có trụ sở tại thôn L, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam. Công ty Đ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 05/6/2011; người đại diện theo pháp luật là ông Phan Quang C. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 20/4/2011 thì vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ tháng 01 đến tháng 4/2012, ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần (vốn góp) của mình trong Công ty Đ cho các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q và Nguyễn An H thông qua 06 Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, cụ thể:

Lần 1: Chuyển nhượng thông qua 04 hợp đồng:

- Hợp đồng số 01/01-HĐCN/2012 ngày 01/01/2012: Bà Đoàn Phan Kim Đ chuyển nhượng cho ông Đỗ Như Q phần vốn góp 7,5 tỷ đồng;

- Hợp đồng số 02/01-HĐCN/2012 ngày 01/01/2012: Bà Đoàn Phan Kim Đ chuyển nhượng phần vốn góp 750.000.000 đồng cho ông Nguyễn An H ;

- Hợp đồng số 03/01-HĐCN/2012 ngày 01/01/2012: Ông Trần Công I chuyển nhượng cho ông Nguyễn An H phần vốn góp 3.750.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 04/01-HĐCN/2012 ngày 01/01/2012: Ông Phan Quang C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Q1 phần vốn góp 10.500.000.000 đồng.

Tổng số vốn góp đã chuyển nhượng là 22.500.000.000 đồng/tổng vốn điều lệ đăng ký là 30.000.000.000 đồng. Thực tế theo các Phiếu chi ngày 01/01/2012 ông C chuyển nhượng phần vốn góp là 15.000.000.000 đồng.

Ngày 12/01/2012, Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 8 cho Công ty Đ) trong đó, thông báo thay đổi danh sách cổ đông đến ngày 11/01/2012 không còn tên bà Đoàn Phan Kim Đ.

Ngày 01/02/2012, Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 9) cho Công ty Đ; Người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ là ông Nguyễn Văn Q, Giám đốc Công ty.

Lần 2: Chuyển nhượng thông qua 02 hợp đồng:

- Hợp đồng số 04/01-HĐCN/2012 ngày 04/4/2012: ông Phan Quang C chuyển nhượng cho ông Đỗ Như Q phần vốn góp là 2.400.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 05/01-HĐCN/2012 ngày 04/4/2012: ông Phan Quang C chuyển nhượng cho ông Nguyễn An H phần vốn góp là 5.100.000.000 đồng.

Ngày 20/4/2012, Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 10) cho Công ty Đ, theo đó thay đổi danh sách cổ đông, không còn tên ông Phan Quang C.

Theo các đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời trình bày của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm thì: Đầu năm 2013, bà Đ phát hiện toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty Đ đã bị giả mạo chữ ký trong Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012, Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/01-HĐCN/2012 ngày 01/01/2012 và Phiếu chi số 03 lập ngày 01/01/2012 để làm các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8. Ngày 04/4/2012, ông C bị ép phải ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05/01-HĐCN/2012 với ông H và Hợp đồng số 04/01-HĐCN/2012 với ông Q. Sau khi ký hợp đồng, ông H và ông Q không thực hiện việc thanh toán. Ông H và ông Q đã hợp thức hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 20/4/2012, đưa ông C ra khỏi danh sách cổ đông của Công ty Đ, chiếm đoạt toàn bộ tài sản. Việc Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần 8, 9, 10 cho Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục và quy định của pháp luật tại Điều 38, Điều 40 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Sau khi biết việc thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Công ty Đ, tháng 3/2013 bà Đ đã khiếu nại đến Phòng Đăng ký kinh doanh đề nghị thu hồi các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần 8, 9, 10 của Công ty Đ và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 nhưng không được giải quyết.

Ngày 05/12/2013, bà Đoàn Phan Kim Đ có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8, đồng thời đề nghị khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 của Công ty Đ.

Ngày 19/12/2013, ông Phan Quang C có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 của Công ty Đ.

Ngày 06/01/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam có Thông báo số 09/TB-ĐKKD về vi phạm của Công ty Đ thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi của doanh nghiệp lần thứ 8 ngày 12/01/2012 và lần thứ 10 ngày 20/4/2012 là giả mạo.

Ngày 16/01/2014, Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 26/QĐ-ĐKKD hủy bỏ các lần đăng ký thay đổi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo của Công ty Đ các lần 8, 9, 10; khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần thứ 7 cho Công ty Đ.

Cùng ngày 16/01/2014, Công ty Đ làm thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp và đã được Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11. Danh sách cổ đông sáng lập vẫn có tên ông Phan Quang C, giá trị cổ phần là 18.000.000.000

tỷ đồng.

Ngày 19/02/2014, bà Đ có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần 8, 9, 10 và 11 của Công ty Đ.

Ngày 30/5/2014, ông C có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần 8, 9, 10 và 11 của Công ty Đ.

Ngày 10/6/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 01/QĐ-NVA nhập 02 vụ án hành chính do bà Đ và ông C khởi kiện.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Văn phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam trình bày: Việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 của Công ty Đ, Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ chứng nhận thay đổi tỉ lệ vốn góp của cổ đông sáng lập là ông C từ 60% xuống còn 25% và hồ sơ đăng ký thay đổi được thực hiện theo Điều 40 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Tại thời điểm đăng ký thay đổi lần thứ 8, bà Đ là cổ đông phổ thông của Công ty nên được tự do chuyển nhượng cổ phần và không có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 7, 8. Ông C, bà Đ cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các lần 8, 9, 10 cho Công ty Đ là có giả mạo hồ sơ nên Phòng Đăng ký kinh doanh đã có văn bản gửi cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam để xác minh. Căn cứ kết luận tại Văn bản số 108/CAT-PC46 ngày 30/12/2013 của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Quảng Nam, Phòng Đăng ký kinh doanh đã có Thông báo số 09/TB-ĐKKD ngày 06/01/2014 về vi phạm thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 16/01/2014, Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam có Quyết định số 26/QĐ-ĐKKD hủy bỏ các lần đăng ký thay đổi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo của Công ty Đ lần 8, 9, 10 và khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần thứ 7. Sau đó, Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ nên Phòng Đăng ký kinh doanh đã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 cho Công ty Đ. Việc thực hiện các quy trình trên của Phòng đăng ký kinh doanh được thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 21/01/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Đ trình bày: Việc hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần 8, 9, 10 của Phòng Đăng ký kinh doanh là do có sự giả mạo; việc giả mạo chưa xác định được vì Tòa án đang xem xét giải quyết. Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 cho Công ty Đ là hoàn toàn hợp lệ và đúng quy định pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 có tên ông Phan Quang C, thay đổi lần thứ 8 ông C đã bán bớt một số cổ phần; đến lần thứ 10 thì ông C không còn cổ phần nữa vì đã bán hết, có chứng từ hợp lệ, đã thanh toán xong, có sự điều tra chứng nhận của Công an tỉnh Quảng Nam. Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 theo đúng hồ sơ hợp lệ của

Công ty Đ; thực tế, ông C và bà Đ không có thiệt hại gì nên Công ty Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Đ.

Ông Trịnh Anh H1, người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Đỗ Như Q, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn An H) trình bày: Việc chuyển nhượng vốn góp của ông C, bà Đ cho các ông Q, Q1, H là có thực và đã thực hiện xong việc trả tiền; việc giả mạo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp các lần 8, 9, 10 chỉ là thủ tục nên Phòng Đăng ký kinh doanh đã thu hồi, hủy bỏ và cấp lại lần thứ 11 cho Công ty Đ là đúng pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2014/HCST ngày 07/8/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

“Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 8) ngày 12/01/2012; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 9) ngày 01/02/2012; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 10) ngày 20/4/2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 11) ngày 16/01/2014 cấp cho Công ty cổ phần Đ của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2014, ông Phan Quang C, bà Đoàn Phan Kim Đ có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2015/HC-PT ngày 07/5/2015, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã quyết định: *“Bác kháng cáo; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm... Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ về việc yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 12/01/2012; lần thứ 9 ngày 01/02/2012; lần thứ 10 ngày 20/4/2012; lần thứ 11 ngày 16/01/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp cho Công ty Cổ phần Đ”.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 05/9/2015, bà Đoàn Phan Kim Đ có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2015/HC-PT ngày 7/5/2015 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 27/2019/KN-HC ngày 07/6/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2015/HC-PT ngày 07/5/2015 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2014/HC-ST ngày 07/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 06/PB-VKS-HC ngày 18/02/2020 và tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ là cổ đông sáng lập Công ty Đ, có trụ sở tại thôn L, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 05/6/2006; người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phan Quang C. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; trong đó có đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/4/2012 với vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng tương ứng với 3.000.000 cổ phần, trong đó: ông C sở hữu 1.800.000 cổ phần, trị giá 18.000.000.000 đồng bà Đ sở hữu 825.000 cổ phần, trị giá 8.250.000.000 đồng; ông Trần Công I sở hữu 375.000 cổ phần, trị giá 3.750.000.000 đồng.

[2] Căn cứ các Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012; số 02/01-HĐCN/2012; số 03/01-HĐCN/2012; số 04/01-HĐCN/2012 cùng ngày 01/01/2012 giữa bà Đoàn Phan Kim Đ với ông Đỗ Như Q (Hợp đồng số 01/01-HĐCN/2012) và ông Nguyễn An H (Hợp đồng số 02/01-HĐCN/2012); giữa ông Trần Công I với ông Nguyễn An H (Hợp đồng số 03/01-HĐCN/2012); giữa ông Phan Quang C với ông Nguyễn Văn Q1 (Hợp đồng số 04/01-HĐCN/2012); các Hợp đồng số 04/01-HĐCN/2012 và số 05/01-HĐCN/2012 cùng ngày 04/4/2012 giữa ông Phan Quang C với ông Đỗ Như Q (Hợp đồng số 04/01-HĐCN/2012); giữa ông Phan Quang C với ông Nguyễn An H (Hợp đồng số 05/01-HĐCN/2012), Công ty Đ đã nộp hồ sơ xin thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đã được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần thứ 8, 9, 10 cho Công ty Đ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 và lần thứ 10 thì ông Phan Quang C, ông Trần Công I và bà Đoàn Phan Kim Đ không còn là cổ đông của Công ty Đ.

[3] Do bà Đoàn Phan Kim Đ có đơn tố cáo việc giả mạo chữ ký của bà Đ trong Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012 ngày 01/01/2012 và trong Phiếu chi số 03 ngày 01/01/2012 và ông C cũng có đơn tố cáo việc giả mạo chữ ký của ông trong một số tài liệu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC 46) Công an tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký của bà Đ, ông C trong các tài liệu đó. Theo Kết luận giám định số 567/GĐ-PC54 ngày 17/9/2013 và số 603/GĐ-PC54 ngày 09/01/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam và Văn bản số 108/CAT-PC46 ngày 30/12/2013 của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Quảng Nam thì việc giả chữ ký bà Đ và ông C trong Hợp đồng chuyển nhượng và phiếu chi tiền là có thật; việc giả chữ ký bà Đ và ông C chỉ là thủ tục hợp thức nhằm phục vụ cho việc thay đổi chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 và lần thứ 10 của Công ty Đ.

[4] Việc ông C nhận tiền chuyển nhượng cổ phần của bà Đ theo các Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012 và số 02/02-

HĐCN/2012 cùng ngày 01/01/2012 không được bà Đ ủy quyền; bà Đ không đồng ý nên đã khiếu nại và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các lần thứ 8, 9, 10. Ngày 06/01/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam có Thông báo số 09/TB-ĐKKD thông báo về việc vi phạm của Công ty Đ thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi của doanh nghiệp lần thứ 8 ngày 12/01/2012 và lần 10 ngày 20/4/2012 là giả mạo. Đồng thời, Phòng Đăng ký kinh doanh cũng thông báo cho Công ty Đ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này, nếu không nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra quyết định hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở thông tin giả mạo và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất.

[5] Ngày 16/01/2014, Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Q N ban hành Quyết định số 26/QĐ-ĐKKD hủy bỏ các lần đăng ký thay đổi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo của Công ty Đ các lần 8, 9, 10; khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần thứ 7 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, cùng ngày 16/01/2014, Công ty Cổ phần Đ nộp hồ sơ đăng ký thay đổi doanh nghiệp và được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 cho Công ty là không đúng pháp luật vì Công ty Đ đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chưa khắc phục được vi phạm là lý do bị hủy bỏ Giấy chứng nhận đã được thay đổi các lần 8, 9 và 10 nên thuộc trường hợp không được thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; Công ty Đ chỉ có thể được tiếp tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khi “đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được Phòng Đăng ký doanh nghiệp chấp nhận” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 nêu trên của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ và ông C về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 của Công ty Cổ phần Đ là không đúng pháp luật.

[6] Mặt khác, tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 19/2015/KDTM-PT ngày 21/9/2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp (cổ phần) số 01/01-HĐCN/2012 ngày 01/01/2012 giữa bên chuyển nhượng là bà Đoàn Phan Kim Đ với bên nhận chuyển nhượng là ông Đỗ Như Q vô hiệu. Như vậy, Công ty Đ sẽ không thể căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012 ngày 01/01/2012 giữa bà Đ với ông Đỗ Như Q để xin thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

[7] Bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C khởi kiện yêu cầu Tòa án

hủy các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thay đổi các lần 8, 9, 10 và 11) mà Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam đã cấp cho Công ty Đ vì cho rằng việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Đăng ký thay đổi các lần thứ 8, 9, 10 và 11 cho Công ty Đ là không đúng pháp luật.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện của vụ án là hành vi hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (yêu cầu hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do được cấp không đúng pháp luật) là đúng. Tòa án cấp phúc thẩm xác định “yêu cầu hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” là không chính xác. Khi thụ lý lại vụ án để giải quyết, Tòa án cần xác định đúng đối tượng khởi kiện của vụ án này là khiếu kiện “Hành vi hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” và căn cứ quy định tại khoản 1 điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 tuyên bố việc (hành vi) cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh là trái pháp luật, đồng thời tuyên buộc Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Đăng ký thay đổi lần thứ 11 đã cấp không đúng pháp luật cho Công ty Đ để thực hiện lại việc đăng ký doanh nghiệp (nếu có yêu cầu) theo đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2014; khoản 7 Điều 14, các khoản 1, 2 Điều 62, khoản 1 Điều 63, Điều 65 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 266, khoản 2 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 27/2019/KN-HC ngày 07/6/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2015/HC-PT ngày 07/5/2015 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2014/HCST ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Q N.
3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Q N xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[8] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện của vụ án là hành vi hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (yêu cầu hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do được cấp không đúng pháp luật) là đúng. Tòa án cấp phúc thẩm xác định “yêu cầu hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” là không chính xác. Khi thụ lý lại vụ án để giải quyết, Tòa án cần xác định đúng đối tượng khởi kiện của vụ án này là khiếu kiện “Hành vi hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” và căn cứ quy định tại khoản 1 điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 tuyên bố việc (hành vi) cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký

kinh doanh là trái pháp luật, đồng thời tuyên buộc Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Đăng ký thay đổi lần thứ 11 đã cấp không đúng pháp luật cho Công ty Đ để thực hiện lại việc đăng ký doanh nghiệp (nếu có yêu cầu) theo đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2014; khoản 7 Điều 14, các khoản 1, 2 Điều 62, khoản 1 Điều 63, Điều 65 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.”.